

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (8428) 3929 0999

Fax : (8428) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thanh Toại

Địa chỉ : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (8428) 3929 0999

Fax : (8428) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 19/4/2018, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 80, Đường Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Nghị quyết và biên bản họp đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> từ ngày 20/4/2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPHĐQT, PhTH.

Đính kèm:

- Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại đại hội và biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2018.



Nguyễn Thanh Toại
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Mẫu Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN.)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2018

I. TỔNG QUÁT

1. **Thời gian:** Từ 8 giờ 55 phút, ngày 19/4/2018.
2. **Địa điểm:** Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 80 Đường Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
3. **Hiện diện:**
 - a. Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông tham dự và được ủy quyền tham dự là: 560 người, đại diện cho 820.344.157 cổ phần, tương ứng 83,21% số cổ phần có quyền biểu quyết.
Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Đại hội đồng cổ đông thường niên ACB đủ túc số hiện diện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
 - b. Khách mời:
 - Ông Võ Văn Thuận, Cục phó, Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng Tp. HCM;
 - Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Tổng Giám đốc, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Bà Đỗ Thu Trang, Giám đốc, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM;
 - Ông Nguyễn Hoàng Nam, Phó Tổng giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán PwC (Việt Nam);
4. **Chủ tọa đoàn:**
 - Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
 - Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
 - Ông Đỗ Minh Toàn, Tổng giám đốc.
5. **Các thành viên HĐQT và BKS:**
 - Các thành viên HĐQT: Ông Trần Mộng Hùng, bà Đặng Thu Thủy, ông Đàm Văn Tuấn, Trần Trọng Kiên.

- Các thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân và bà Phùng Thị Tốt.
- 6. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia và số cổ phần đại diện, xác định Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
- 7. Phát biểu khai mạc của ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT.
- 8. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, thừa ủy quyền Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Lê Thanh Hải làm Trưởng Ban và các ủy viên là ông Huỳnh Văn Sơn, ông Nguyễn Trung Nghĩa, ông Nguyễn Huy Danh, và bà Đặng Thị Luyến.
- 9. Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký đại hội gồm: Ông Nguyễn Ngọc Chung, thư ký công ty và bà Phan Lạc Kim Trinh, thư ký công ty.
- 10. Ông Đàm Văn Tuấn thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí chấp thuận thành phần Ban kiểm phiếu như đề cử, thông qua chương trình Đại hội với tỷ lệ tán thành là 86,81% và tỷ lệ không tán thành là 13,19% .

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Đọc các quy chế và tờ trình.

- 1.1 Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;
- 1.2 Tờ trình về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- 1.3 Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023. Một số cổ đông có ý kiến về danh sách ứng viên HĐQT, BKS và việc biểu quyết và Đoàn Chủ tọa đã giải thích làm rõ vấn đề.

2. Bỏ phiếu biểu quyết 3 vấn đề tại mục II.1

Trưởng Ban kiểm phiếu phổ biến nguyên tắc và thể lệ biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề bằng tờ biểu quyết.

3. Đọc các tờ trình liên quan đến bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.

- 3.1 Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- 3.2 Tờ trình về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023.

4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết 3 vấn đề. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm.)

5. Bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS.

6. Đọc các báo cáo và tờ trình khác.

- 6.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 và Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018;
- 6.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2017;
- 6.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán;
- 6.4 Tờ trình về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018;
- 6.5 Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- 6.6 Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018;
- 6.7 Tờ trình về việc thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB;
- 6.8 Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu.

7. Phát biểu của ông Võ Văn Thuận, Cục phó Cục Thanh tra, giám sát Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

8. Đại hội thảo luận 8 vấn đề tại Mục II.6

- Các cổ đông có một số ý kiến về 8 vấn đề tại tờ trình;
- Các cổ đông có ý kiến điều chỉnh chính sách thu nhập cho CBNV, thuê thẩm định độc lập đánh giá hiệu quả đầu tư; bán cổ phiếu quỹ và một số ý kiến khác; xin phép NHNN bầu bổ sung 3 nhân sự là ông Đỗ Minh Toàn, Ông Nguyễn Văn Hòa, ông Nguyễn Duy Hưng.
- Đoàn chủ tọa ghi nhận ý kiến của cổ đông.

9. Bỏ phiếu biểu quyết 8 vấn đề tại Mục II.6

10. Phát biểu của ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT.

11. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS, và kết quả biểu quyết 8 vấn đề của cổ đông. (01 Biên bản kiểm phiếu đính kèm.)

12. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- 12.1 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*
- 12.2 Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNNH ngày 18/4/2018 về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

kiểm soát ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, như sau:

- + Số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 là tám (8) thành viên, trong đó có hai (2) thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- + Số lượng thành viên được bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 là bốn (4) thành viên, trong đó có ba (3) thành viên chuyên trách.

12.3 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

12.4 Đại hội đồng cổ đông nhất trí bầu các ông/bà có tên sau đây vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023:

- Ông Trần Hùng Huy
- Ông Nguyễn Thành Long
- Ông Dominic Timothy Charles Scriven
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Đặng Thu Thủy
- Ông Đàm Văn Tuấn
- Ông Hiệp Van Vo, thành viên độc lập
- Ông Huang Yuan Chiang, thành viên độc lập

12.5 Đại hội đồng cổ đông nhất trí bầu các ông/bà có tên sau đây vào chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023:

- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, thành viên chuyên trách
- Bà Nguyễn Thị Minh Lan, thành viên chuyên trách
- Bà Hoàng Ngân, thành viên chuyên trách
- Bà Phùng Thị Tốt

12.6 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu đến ngày 31/12/2018 như sau:

- Tổng tài sản tăng 18%;
- Tín dụng tăng 15%;
- Vốn huy động từ tiền gửi khách hàng tăng 18%;
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 5.699 tỷ đồng.

12.7 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

- 12.8 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2018 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 12.9 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:
- a. Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017:

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|--------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB 31/12/2017 | 2,656,207,357,116 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 538,076,355,796 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (1-2) | 2,118,131,001,320 |
| 4 | Trích lập các quỹ, trong đó: | 373,599,543,701 |
| 4a | Quỹ DTBSVDL của ACB | 104,452,560,773 |
| 4b | Quỹ dự phòng tài chính của ACB | 208,905,121,546 |
| 4c | Quỹ của các công ty con | 10,241,861,382 |
| 4d | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB | 50,000,000,000 |
| 5 | Lợi nhuận 2017 sau khi trích lập các quỹ (3-4) | 1,744,531,457,619 |
| 6 | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó: | 1,715,021,389,341 |
| 6a | Đã mua cổ phiếu quỹ | 665,725,228,504 |
| 6b | Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ngân hàng Nhà nước phê duyệt dùng chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (10%) | 985,901,290,000 |
| 7 | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2017 (5+6-6a-6b) | 1,807,926,328,456 |
| 8 | Vốn điều lệ ACB | 10,273,238,960,000 |
| 9 | Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 1,027,323,896 |
| 10 | Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua | 41,422,608 |
| 11 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2016 | 98,590,129 |
| 12 | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 (9-10+11) | 1,084,491,417 |
| 13 | Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (15%) | 1,626,737,130,000 |
| 14 | Lợi nhuận giữ lại dự kiến dùng mua cổ phiếu thưởng nhân viên | 100,000,000,000 |
| 15 | Lợi nhuận giữ lại (7-13-14) | 81,189,198,456 |

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm mua cổ phiếu để thưởng

cho nhân viên và quyết định cách thức phân phối cho nhân viên theo các quy định hiện hành.

b. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB 2018 | 5,699,000,000,000 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,139,800,000,000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (1-2) | 4,559,200,000,000 |
| 4 | Trích lập các quỹ, trong đó: | 773,240,000,000 |
| 4a | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB | 100,000,000,000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4) | 3,785,960,000,000 |
| 6 | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó: | 746,914,426,960 |
| 6a | Đã mua cổ phiếu quỹ | 665,725,228,504 |
| 7 | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018 (5+6-6a) | 3,867,149,198,456 |
| 8 | Số lượng cổ phiếu đã phát hành đến 31/12/2017 | 1,027,323,896 |
| 9 | Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua | 41,422,608 |
| 10 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2016 | 98,590,129 |
| 11 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2017 | 162,673,713 |
| 12 | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2018 (8-9+10+11) | 1,247,165,130 |
| 13 | Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (30%) | 3,741,495,390,000 |
| 14 | Lợi nhuận giữ lại (7-13) | 125,653,808,456 |

12.10 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

- Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 10.273.238.960.000 đồng lên 12.885.877.380.000 đồng (tăng thêm 1.626.737.130.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Thông qua nội dung thay đổi vốn điều lệ trong Điều lệ của Ngân hàng TMCP Á Châu từ 10.273.238.960.000 đồng lên 12.885.877.380.000 đồng.
- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

- 12.11 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:
- 0,5% (không phải năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.
- 12.12 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua chủ trương thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB; và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về tổ chức, cơ chế hoạt động, tài chính, nhân sự và các vấn đề khác liên quan việc thành lập quỹ phù hợp với quy định pháp luật.
- 12.13 Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu.

13. HĐQT và BKS họp để bầu các chức danh HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.

14. Công bố kết quả bầu các chức danh HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát:

- Ông Trần Hùng Huy được bầu làm Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Thành Long được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát.

III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Ông Đàm Văn Tuấn đọc dự thảo Biên bản họp. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Biên bản này bằng hình thức biểu quyết bằng thẻ biểu quyết. (Biên bản kèm phiếu đính kèm).

Đại hội kết thúc vào lúc 13h30 cùng ngày.

THƯ KÝ

Nguyễn Ngọc Chung

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 19/04/2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hôm nay ngày 19/04/2018, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông: **27.293 cổ đông**.
2. Tổng số cổ phần phát hành: **1.027.323.896 cổ phần**.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **985.901.288 cổ phần**.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: **550 cổ đông**, chiếm **2,02%** trên tổng số cổ đông, đại diện cho **818.807.032 cổ phần**, chiếm **83,05%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **792.498.031 cổ phần**, chiếm **96,79%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **26.309.001 cổ phần**, chiếm **3,21%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: **83.315**, chiếm **0,01%**.
- Kết quả biểu quyết như sau:

- + **Tán thành:** **418 cổ đông**, chiếm **76,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **684.571.835 cổ phần**, chiếm **83,61%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** **13 cổ đông**, chiếm **2,36%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **107.552.085 cổ phần**, chiếm **13,14%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** **17 cổ đông**, chiếm **3,09%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **290.796 cổ phần**, chiếm **0,04%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **792.498.033 cổ phần**, chiếm **96,79%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **26.308.999 cổ phần**, chiếm **3,21%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không hợp lệ: **83.315**, chiếm **0,01%**.
 - Kết quả biểu quyết như sau:
- + **Tán thành:** **410 cổ đông**, chiếm **74,55%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **679.234.797 cổ phần**, chiếm **82,95%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** **16 cổ đông**, chiếm **2,91%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **112.085.563 cổ phần**, chiếm **13,69%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** **23 cổ đông**, chiếm **4,18%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **1.094.358 cổ phần**, chiếm **0,13%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 792.498.033 cổ phần, chiếm 96,79% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 26.308.999 cổ phần, chiếm 3,21% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 83.315, chiếm 0,01%.
- Kết quả biểu quyết như sau:

- + **Tán thành:** 413 cổ đông, chiếm 75,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 683.983.282 cổ phần, chiếm 83,53% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 13 cổ đông, chiếm 2,36% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.552.085 cổ phần, chiếm 13,14% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 4,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 879.351 cổ phần, chiếm 0,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

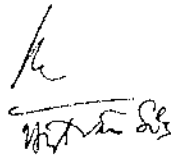
1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông;
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
3. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

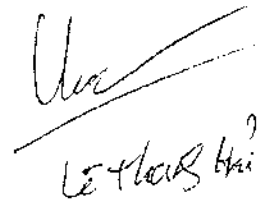
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2018.

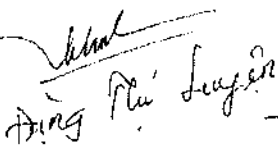
THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

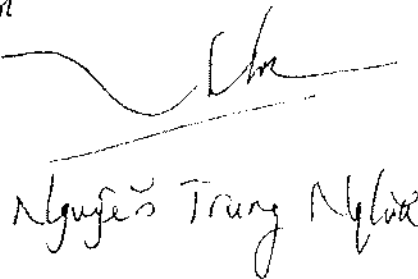
TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Hải Đăng


Nguyễn Văn Sơn


Lê Hoàng Hải


Đinh Phú Sĩ


Nguyễn Trung Nghĩa



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hôm nay ngày 19/04/2018, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông: 27.293 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 1.027.323.896 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 985.901.288 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 560 cổ đông, chiếm 2,05% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 820.344.157 cổ phần, chiếm 83,21% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.030.082 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.314.075 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 17.754, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 392 cổ đông, chiếm 70,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 706.569.492 cổ phần, chiếm 86,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + Không tán thành: 9 cổ đông, chiếm 1,61% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.340.520 cổ phần, chiếm 13,08% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + Không có ý kiến: 9 cổ đông, chiếm 1,61% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 102.316 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

5. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2017

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.030.082 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.314.075 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 11.918, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:

- + Tán thành: 391 cổ đông, chiếm 69,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 706.557.427 cổ phần, chiếm 86,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + Không tán thành: 10 cổ đông, chiếm 1,79% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.342.520 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + Không có ý kiến: 11 cổ đông, chiếm 1,96% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 118.217 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.024.181 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.319.976 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 390 cổ đông, chiếm 69,64% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 706.579.015 cổ phần, chiếm 86,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 10 cổ đông, chiếm 1,79% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.342.520 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 12 cổ đông, chiếm 2,14% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 102.646 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

7. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.020.600 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.323.557 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 381 cổ đông, chiếm 68,04% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 702.030.841 cổ phần, chiếm 85,58% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 12 cổ đông, chiếm 2,14% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.348.251 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 18 cổ đông, chiếm 3,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.641.508 cổ phần, chiếm 0,57% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

8. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.027.831 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.316.326 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 381 cổ đông, chiếm 68,04% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 702.038.745 cổ phần, chiếm 85,58% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 12 cổ đông, chiếm 2,14% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.347.709 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 18 cổ đông, chiếm 3,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.641.377 cổ phần, chiếm 0,57% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

9. Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.027.821 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.316.336 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 375 cổ đông, chiếm 66,96% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 701.848.303 cổ phần, chiếm 85,56% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 14 cổ đông, chiếm 2,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.352.006 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 21 cổ đông, chiếm 3,75% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.827.512 cổ phần, chiếm 0,59% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

10. Thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.027.820 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.316.337 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 372 cổ đông, chiếm 66,43% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 705.648.717 cổ phần, chiếm 86,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 14 cổ đông, chiếm 2,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.387.261 cổ phần, chiếm 13,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 23 cổ đông, chiếm 4,11% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 991.842 cổ phần, chiếm 0,12% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

11. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 814.027.821 cổ phần, chiếm 99,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 6.316.336 cổ phần, chiếm 0,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm 0,00%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 382 cổ đông, chiếm 68,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 701.861.099 cổ phần, chiếm 85,56% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 13 cổ đông, chiếm 2,32% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 107.530.679 cổ phần, chiếm 13,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 15 cổ đông, chiếm 2,68% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.636.043 cổ phần, chiếm 0,57% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết quả bầu như sau:

1. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị:

- Tổng số phiếu phát ra: 6.562.753.256.
- Tổng số phiếu thu vào: 6.449.621.568.
- Số phiếu không hợp lệ: 2.228.472.
- Kết quả bầu cử như sau:

| STT | Họ và tên ứng viên | Số cổ đông | Số phiếu |
|-----|-----------------------|------------------------------------|--|
| 1 | Ông Trần Hùng Huy | 424 cổ đông, chiếm tỉ lệ 75,71% | 724.295.263 phiếu, chiếm tỉ lệ 88,29% |
| 2 | Ông Nguyễn Thành Long | 387 cổ đông, chiếm tỉ lệ 69,11% | 708.798.588 phiếu, chiếm tỉ lệ 86,40% |

| | | | |
|---|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| 3 | Ông Dominic Timothy Charles Scriven | 387 cổ đông, chiếm tỉ lệ 69,11% | 714.927.578 phiếu, chiếm tỉ lệ 87,15% |
| 4 | Bà Đinh Thị Hoa | 361 cổ đông, chiếm tỉ lệ 64,46% | 678.296.452 phiếu, chiếm tỉ lệ 82,68% |
| 5 | Bà Đặng Thu Thủy | 372 cổ đông, chiếm tỉ lệ 66,43% | 707.293.313 phiếu, chiếm tỉ lệ 86,22% |
| 6 | Ông Đàm Văn Tuấn | 360 cổ đông, chiếm tỉ lệ 64,29% | 676.512.476 phiếu, chiếm tỉ lệ 82,47% |
| 7 | Ông Hiep Van Vo | 361 cổ đông, chiếm tỉ lệ 64,46% | 700.122.460 phiếu, chiếm tỉ lệ 85,34% |
| 8 | Ông Huang Yuan Chiang | 358 cổ đông, chiếm tỉ lệ 63,93% | 674.873.559 phiếu, chiếm tỉ lệ 82,27% |

2. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát:

- Tổng số phiếu phát ra: 3.281.376.628.
- Tổng số phiếu thu vào: 3.191.262.620.
- Số phiếu không hợp lệ: 251.148.
- Kết quả bầu cử như sau:

| STT | Họ và tên ứng viên | Số cổ đông | Số phiếu |
|-----|------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp | 420 cổ đông, chiếm tỉ lệ 75,00% | 700.366.359 phiếu, chiếm tỉ lệ 85,37% |
| 2 | Bà Hoàng Ngân | 393 cổ đông, chiếm tỉ lệ 70,18% | 689.327.495 phiếu, chiếm tỉ lệ 84,03% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Minh Lan | 378 cổ đông, chiếm tỉ lệ 67,50% | 684.669.684 phiếu, chiếm tỉ lệ 83,46% |
| 4 | Bà Phùng Thị Tốt | 389 cổ đông, chiếm tỉ lệ 69,46% | 690.495.199 phiếu, chiếm tỉ lệ 84,17% |

IV. Kết luận:

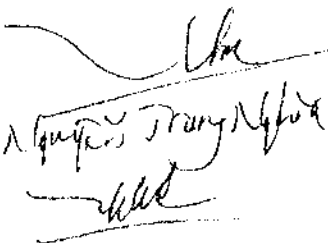
Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

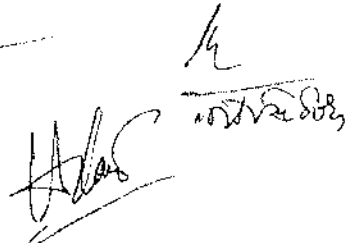
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2017;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017;
4. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thu lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018;
7. Thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB;
8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu;
9. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023;
10. Bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

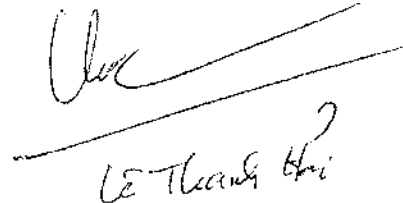
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2018.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


Lê Thanh Hải


Lê Thanh Hải



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 19/04/2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Hôm nay ngày 19/04/2018, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông: 27.293 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 1.027.323.896 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 985.901.288 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 560 cổ đông, chiếm 2,05% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 820.344.157 cổ phần, chiếm 83,21% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 697.710.971 cổ phần, chiếm 85,05% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 122.633.186 cổ phần, chiếm 14,95% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 33.171.627, chiếm 4,04%.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 352 cổ đông, chiếm 62,86% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 660.202.485 cổ phần, chiếm 80,48% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 4 cổ đông, chiếm 0,71% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.306.988 cổ phần, chiếm 0,53% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 8 cổ đông, chiếm 1,43% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 29.871 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.


III. Kết luận:

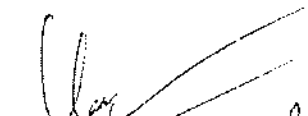
Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

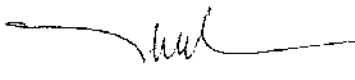
Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2018.

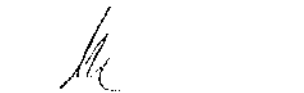
THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Trung Nghĩa


Lê Thanh Sơn


Đặng Thị Lệ Uyên


Nguyễn Đình Đạt

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1341 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Quy chế biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ tại ĐHCĐTN năm 2018.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA *luat*



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM
QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI CỔ
ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018****Điều 1. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 (Đại hội)**

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2017;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017;
4. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018;
7. Thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB;
8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu;
9. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
10. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
11. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông năm 2018.
12. Các vấn đề khác, nếu có, theo Điều 32.3 của Điều lệ ACB.

Điều 2. Tờ biểu quyết

1. Mỗi cổ đông được phát 02 Tờ biểu quyết, 02 Tờ biểu quyết này có 11 thẻ biểu quyết tương ứng với 11 vấn đề cần biểu quyết:
 - a. Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018;
 - b. Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2017;
 - c. Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017;
 - d. Thẻ biểu quyết về Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018;
 - e. Thẻ biểu quyết về Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
 - f. Thẻ biểu quyết về Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018;
 - g. Thẻ biểu quyết về Thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB;

- h. Thẻ biểu quyết về Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - i. Thẻ biểu quyết về Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
 - j. Thẻ biểu quyết về Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;
 - k. Thẻ biểu quyết về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông.
2. Nội dung thẻ biểu quyết bao gồm:
- a. Kỳ Đại hội, ngày Đại hội;
 - b. Họ và tên cổ đông;
 - c. Số cổ phần sở hữu;
 - d. Số phiếu biểu quyết;
 - e. Mã vạch để nhận dạng cổ đông;
 - f. Từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.
 - g. Các nội dung khác (nếu có).
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức, nội dung các Thẻ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Thẻ biểu quyết khác.
4. Đề thuận tiện cho việc kiểm phiếu, cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền phải giữ các Thẻ biểu quyết ngay thẳng và không được gấp Thẻ biểu quyết.

Điều 3. Cách thức biểu quyết

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp pháp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [X].
- a. Trường hợp cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền thay đổi ý kiến thì:
 - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [X] và
 - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [X].
 - b. Trường hợp cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền chọn lại ô đã khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn [●].
2. Các thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ:
- a. Thẻ biểu quyết bị rách (không thể xác định được cổ đông, nội dung biểu quyết), bị tẩy xóa, viết vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ; và/hoặc

- b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; và/hoặc
 - c. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định trên Thẻ biểu quyết; và/hoặc
 - d. Thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có mã số cổ đông.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như là cổ đông không tham gia biểu quyết.
 4. Ban kiểm phiếu thu các thẻ biểu quyết một lần đối với các vấn đề biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề

1. Đối với việc biểu quyết thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có số cổ đông đại diện ít nhất là 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi số cổ đông đại diện ít nhất là 51% số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề biểu quyết tại Điều 1 nêu trên được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 19/4/2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng
TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:
- + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là tám (08) thành viên, trong đó có hai (02) thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - + Số lượng thành viên Ban kiểm soát là bốn (04) thành viên, trong đó có ba (03) thành viên chuyên trách.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.



Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023 trình Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG hau
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Quy chế bầu thành viên HĐQT và BKS Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018-2023.



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG Á CHÂU
NHIỆM KỲ 2018 - 2023****Điều 1. Vấn đề biểu quyết**

1. Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023.
2. Tờ trình về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Điều 2. Tờ biểu quyết

1. Mỗi cổ đông được phát 01 Tờ biểu quyết về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và 01 Tờ biểu quyết về việc bầu thành viên Ban kiểm soát. Mỗi Tờ biểu quyết có các nội dung sau:
 - Ngày đại hội, kỳ đại hội;
 - Họ và tên cổ đông;
 - Số cổ phần sở hữu;
 - Số phiếu bầu;
 - Tên người được đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Mã vạch để nhận dạng cổ đông;
 - Các nội dung khác (nếu có).
2. Số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức, nội dung Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
4. Đề thuận tiện cho việc kiểm phiếu, cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền phải giữ Tờ biểu quyết ngay thẳng và không gấp Tờ biểu quyết.

Điều 3. Cách thức bầu

1. Việc bầu được tiến hành theo nguyên tắc trực tiếp, bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ đông chọn **một trong hai cách** sau:
 - a. Cách 1 (Tín nhiệm đều):
 - Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp cổ đông muốn chia đều số phiếu bầu cho các ứng viên thì cổ đông đánh dấu "X" vào ô ở cột "Cách 1" cho từng ứng viên được bầu [ví dụ, nếu đánh 10 (mười) ô thì tổng số phiếu sẽ chia đều cho 10 (mười) ứng viên được bầu, nếu đánh 01 (một) ô thì tổng số phiếu bầu sẽ dồn hết cho 01 (một) ứng viên được bầu].

- Đối với việc bầu thành viên Ban kiểm soát: Trường hợp cổ đông muốn chia đều số phiếu bầu cho các ứng viên thì cổ đông đánh dấu “X” vào ô ở cột “Cách 1” cho từng ứng viên được bầu [ví dụ, nếu đánh 04 (bốn) ô thì tổng số phiếu sẽ chia đều cho 04 (bốn) ứng viên được bầu, nếu đánh 01 (một) ô thì tổng số phiếu bầu sẽ dồn hết cho 01 (một) ứng viên được bầu].

b. Cách 2 (Tín nhiệm có điều chỉnh):

Trường hợp cổ đông muốn điều chỉnh tỷ lệ phiếu bầu cho các ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì cổ đông ghi tỷ lệ phiếu bầu vào cột “**Cách 2**” cụ thể:

- Chọn một trong các tỷ lệ sau: 5%, 10%, 20%, 30%... hoặc tỷ lệ khác (không lấy số thập phân);
- Ghi tỷ lệ vào các ô trống của cột “Cách 2”, mỗi ô trống là một ký tự;
- Tổng tỷ lệ phiếu bầu của các ứng viên được bầu không được vượt quá tỷ lệ 100%.

Ví dụ:

- Cổ đông bầu 40% số phiếu cho ứng viên 1, cổ đông ghi số 40 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 1;
- Cổ đông bầu 20% số phiếu cho ứng viên 2, cổ đông ghi số 20 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 2;
- Cổ đông bầu 10% số phiếu cho ứng viên 3, cổ đông ghi số 10 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 3;
- Cổ đông bầu 30% số phiếu cho ứng viên 4, cổ đông ghi số 30 vào cột “Cách 2” cho ứng viên 4.

2. Tờ biểu quyết không hợp lệ:

- Tờ biểu quyết không do Ban kiểm phiếu phát ra;
- Tờ biểu quyết bị tẩy xóa, bị rách mã số (không thể xác định được cổ đông, nội dung biểu quyết), viết vẽ hay có bất kỳ ký hiệu không phù hợp nào trên tờ biểu quyết;
- Tờ biểu quyết bầu quá số người được bầu;
- Tờ biểu quyết bầu cho người không có tên trong danh sách đề cử (ghi thêm tên ứng viên);
- Tờ biểu quyết chọn cả 2 cách bầu cho mỗi ứng viên (vừa đánh dấu “X” vào cột “Cách 1” vừa ghi thêm tỷ lệ phiếu bầu vào cột “Cách 2” cho mỗi ứng viên);
- Tờ biểu quyết có ghi tỷ lệ biểu quyết ở dạng số thập phân;
- Tờ biểu quyết có tổng tỷ lệ phiếu bầu vượt quá tỷ lệ 100%.

3. Tờ biểu quyết không bầu cho ứng viên nào (để trống) được xem như cổ đông không tham gia biểu quyết.

4. Ban kiểm phiếu thu 02 Tờ biểu quyết một lần và tiến hành kiểm phiếu;

Điều 4. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Người trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho các vị trí cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau theo nguyên tắc dồn phiếu.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua vấn đề bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được công bố ngay tại Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội cổ đông thông qua và áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 19/4/2018 của Ngân hàng Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1344 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023:

1. Ông Trần Hùng Huy
2. Ông Nguyễn Thành Long
3. Ông Dominic Timothy Charles Scriven
4. Bà Đinh Thị Hoa
5. Bà Đặng Thu Thủy
6. Ông Đàm Văn Tuấn
7. Ông Hiep Van Vo, thành viên độc lập
8. Ông Huang Yuan Chiang, thành viên độc lập.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /*Qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA *luuu*



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1345 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí bầu các ông/bà có tên sau đây làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023:

1. Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, thành viên chuyên trách;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Lan, thành viên chuyên trách;
3. Bà Hoàng Ngân, thành viên chuyên trách;
4. Bà Phùng Thị Tốt.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 19/4/2018 trình Đại hội đồng cổ đông về hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018;
- Căn cứ Báo cáo của Ban điều hành ngày 19/4/2018 trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 18%;
- Tín dụng tăng 15%;
- Vốn huy động từ tiền gửi khách hàng tăng 18%;
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 5.699 tỷ đồng.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
VỀ Báo cáo của Ban kiểm soát
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo Ban kiểm soát ngày 19/4/2018 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 19/4/2018.



Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ điều 45 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 2 điều 56 của điều lệ Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Á Châu năm 2017 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát trong năm 2017:

Ban Kiểm soát họp 05 lần giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Nội dung các phiên họp đều có quyết nghị.

- Phiên họp ngày 26/4/2017;
- Phiên họp ngày 27/6/2017;
- Phiên họp ngày 27/9/2017;
- Phiên họp ngày 28/11/2017;
- Phiên họp ngày 01/3/2018.

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

a. Về giám sát hoạt động hệ thống và kiểm toán nội bộ:

- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và các tỉ lệ đảm bảo an toàn vốn; xử lý nợ xấu; tái cơ cấu hoạt động Ngân hàng; thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát;... Ngoài ra Ban Kiểm Soát còn giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu như huy động vốn, sử dụng vốn, trạng thái ngoại hối, chất lượng tín dụng, chi phí điều hành, kết quả kinh doanh, ...
- Về chức năng kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán tại chỗ, giám sát từ xa... theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước; ngoài ra còn thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng. Đối tượng được kiểm toán là các Chi nhánh/ Phòng giao dịch, các Khối/ Phòng/ Ban/ Trung tâm tại Hội sở, các Công ty trực thuộc. Nội dung kiểm toán tập trung vào kiểm toán quy trình và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ, đánh giá sự thích hợp và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, của Ngân hàng Á Châu đối với các đối tượng được kiểm toán.

- Trong năm 2017, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán theo định hướng rủi ro, chú trọng các đơn vị có nợ quá hạn cao, chưa được kiểm toán trong thời hạn 3 năm, các sản phẩm/ nghiệp vụ chủ yếu của Ngân hàng có thể phát sinh rủi ro. Đã kiểm toán toàn diện hoạt động của 80 chi nhánh và phòng giao dịch; Kiểm toán Trung tâm Thẻ, Trung tâm dịch vụ khách hàng 247, Khối Công nghệ Thông tin, Công ty Cho thuê tài chính Á Châu; Kiểm toán (1) Sản phẩm “Cho vay có liên quan bất động sản”; (2) Sản phẩm “Tài trợ thương mại trong nước” đối với khách hàng doanh nghiệp; (3) Nghiệp vụ bảo lãnh; (4) Quy trình liên quan đến nghiệp vụ Ngân hàng Điện tử; (5) Nghiệp vụ Thanh toán nội địa. Ngoài ra còn thực hiện kiểm toán các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành; Kiểm toán giám sát từ xa tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống theo các tiêu chí giám sát được bổ sung và cập nhật theo từng thời kỳ.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm tại các đơn vị được kiểm toán.
- Ngoài ra, Kiểm toán nội bộ còn làm đầu mối rà soát và hỗ trợ cung cấp tài liệu, hồ sơ cần xuất trình cho cơ quan thanh tra giám sát tại các đơn vị trong toàn hệ thống. Đơn đốc các đơn vị thực hiện khắc phục các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

b.1. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

b.2. Hoạt động quản trị và điều hành:

- Công tác quản trị điều hành của ACB nhằm mục tiêu: An toàn hoạt động, Xử lý những tồn tại, Thực hiện đề án tái cơ cấu Ngân hàng theo phương án được duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước, Tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước, tiếp cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, Triển khai nhận dạng thương hiệu mới trong toàn hệ thống, Ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng.
- Hoạt động Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng với các đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân; chú trọng cạnh tranh bằng

cách nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, tăng trích dự phòng rủi ro; Thực hiện cấu trúc lại Bảng Cân đối kế toán; ...

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua việc Giám sát Bảng Tổng kết tài sản và việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hệ số an toàn vốn, trích dự phòng rủi ro, quản lý quỹ, ...; Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng; Chi đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm tra kiểm soát của Ngân hàng.
- Các kết quả giám sát, kiểm toán được thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các bên có liên quan.
- Kết quả hoạt động trong năm 2017, ACB đã đạt được tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước, của ACB về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giảm tỷ lệ Nợ xấu; đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

c. Thăm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Báo cáo tài chính cả năm 2017 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Ban Kiểm soát đã thăm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập, trình Đại hội Cổ đông thường niên 2018.

d. Các nội dung khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra việc thực hiện chi phí với kế hoạch chi phí được duyệt.
- Thực hiện rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng Quản trị ban hành căn cứ vào các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hoạt động điều hành của Ngân hàng.
- Kiến nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định/ quy chế nhằm phù hợp với các quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước.
- Cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.

- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có 04 thành viên, tất cả làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).
- Trong phạm vi phân công, các thành viên chuyên trách tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013-2017 đã thực hiện được những yêu cầu cơ bản về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. Nhận xét về báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Ngân hàng và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo tài chính năm 2017 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty kiểm toán PwC thực hiện kiểm toán.

b. Về tài sản và nguồn vốn:

Các số liệu như sau:

| ĐVT: Triệu đồng | |
|--|--------------------|
| TÀI SẢN | SỐ TIỀN |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 4.851.710 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 8.314.574 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác | 9.095.488 |
| <i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i> | <i>(153.761)</i> |
| Chứng khoán kinh doanh | 1.239.991 |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i> | <i>(3.436)</i> |
| Cho vay khách hàng | 198.513.394 |
| <i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i> | <i>(1.844.638)</i> |
| Chứng khoán đầu tư | 53.158.973 |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i> | <i>(440.568)</i> |
| Góp vốn đầu tư dài hạn | 195.595 |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i> | <i>(5.553)</i> |
| Tài sản cố định | 3.007.618 |
| Bất động sản đầu tư | 256.132 |
| Tài sản Có khác | 8.130.604 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 284.316.123 |
| NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 15.453.746 |
| Tiền gửi của khách hàng | 241.392.932 |
| Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 10.491 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 136.466 |
| Phát hành giấy tờ có giá (Trái phiếu) | 6.761.000 |
| Các khoản nợ khác | 4.530.641 |

| | |
|--|--------------------|
| Vốn và các quỹ | 12.521.294 |
| <i>Trong đó:</i> + <i>Vốn điều lệ</i> | 10.273.239 |
| + <i>Cổ phiếu quỹ</i> | (665.725) |
| + <i>Các quỹ dự trữ</i> | 2.913.780 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 3.509.553 |
| TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 284.316.123 |

c. Về thu nhập và chi phí:

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| | |
|--|------------------|
| THU NHẬP | |
| Thu nhập từ lãi | 20.319.639 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 1.574.668 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 952.439 |
| Thu nhập cổ tức từ góp vốn, mua cổ phần | 36.069 |
| Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 236.729 |
| Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 25.305 |
| Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 603.079 |
| CHI PHÍ | |
| Chi phí trả lãi | 11.861.885 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | 386.337 |
| Chi phí hoạt động khác | 60.797 |
| Chi phí quản lý chung | 6.217.359 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 2.565.343 |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | 2.656.207 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến) | (538.076) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến) | 2.118.131 |

2. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc đã đạt được những kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 (NQ ĐHCĐ) | Thực hiện năm 2017 | Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch 2017 (%) |
|-------------------------------|------------------------------------|---------------------------|---|
| Tổng tài sản | 271.000 (tăng 16% so với 2016) | 284.316 | 104,9% |
| Dư nợ | 196.000 (tăng 20% so với 2016) | 198.513 | 101,3% |
| Tiền gửi từ khách hàng | 240.000 (tăng 16% so với 2016) | 241.393 | 100,6% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.205 | 2.656 | 120,5% |
| Hệ số An toàn vốn | >9% | 11,49% | - |
| Tỷ lệ nợ xấu | <2% | 0,71% | - |

- Tổng tài sản là 284.316 tỷ đồng, đạt 104,9% so với kế hoạch (theo Nghị quyết Đại hội cổ đông).
- Vốn huy động từ khách hàng đến 31/12/2017 là 241.393 tỷ đồng, đạt 100,6% so với kế hoạch, trong đó:
 - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (81,73%), tăng 27.552 tỷ đồng so với năm 2016.
 - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 18,27%, tăng 6.790 tỷ đồng so với năm 2016.
 - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 95,71%, tăng 34.168 tỷ đồng so với năm 2016.
 - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 4,29%, tăng 173 tỷ đồng so với năm 2016.
- Tổng dư nợ tín dụng là 198.513 tỷ đồng, đạt 101,3% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) là 0,71% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế là 2.656 tỷ đồng, đạt 120,5% so với kế hoạch, tăng 989 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2016.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017 và phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

III. BÁO CÁO KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Kinh phí hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

- Thù lao Ban Kiểm soát : 3.625 triệu đồng.
- Chi phí về tài sản : 29 triệu đồng. } được phân bổ theo tỉ lệ
- Chi phí về hành chính, quản lý khác : 290 triệu đồng. } chi phí của Hội sở
- Công tác phí và các chi phí khác : 661 triệu đồng.
- Tổng cộng : 4.605 triệu đồng.

+ Thù lao năm 2017 của Ban Kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên thông qua là 3.900 triệu đồng.

+ Kinh phí hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên thông qua là 4.900 triệu đồng.

Kính trình đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN ✓



Huỳnh Nghĩa Hiệp

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1348 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2018 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất ký ngày 28/02/2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu.



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| | Thuyết minh | Tại ngày | |
|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | 31.12.2017 Triệu VND | 31.12.2016 Triệu VND |
| A TÀI SẢN | | | |
| I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 4 | 4.851.710 | 3.541.388 |
| II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 5 | 8.314.574 | 5.119.306 |
| III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 6 | 8.941.727 | 8.152.027 |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 6.1 | 5.932.369 | 6.443.182 |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác | 6.1 | 3.163.119 | 1.880.725 |
| 3 Dự phòng rủi ro | 6.3 | (153.761) | (171.880) |
| IV Chứng khoán kinh doanh | 7 | 1.236.555 | 1.183.306 |
| 1 Chứng khoán kinh doanh | 7.1 | 1.239.991 | 1.211.314 |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | 7.2 | (3.436) | (28.008) |
| V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 8 | - | 16.065 |
| VI Cho vay khách hàng | | 196.668.758 | 161.604.426 |
| 1 Cho vay khách hàng | 9 | 198.513.394 | 163.401.221 |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 9.7 | (1.844.638) | (1.796.795) |
| VIII Chứng khoán đầu tư | 10 | 52.718.405 | 42.801.465 |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 10.1 | 8.007.491 | 10.962.613 |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 10.1 | 45.151.482 | 34.824.159 |
| 3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | 10.3 | (440.568) | (2.985.307) |
| IX Góp vốn, đầu tư dài hạn | 11 | 190.042 | 190.194 |
| 2 Vốn góp liên doanh | 11.2 | 1.280 | 1.280 |
| 3 Đầu tư vào công ty liên kết | 11.2 | 388 | 346 |
| 4 Đầu tư dài hạn khác | 11.3 | 193.927 | 199.537 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 11.4 | (5.553) | (10.969) |
| X Tài sản cố định | 12 | 3.007.618 | 2.850.558 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 12(a) | 2.474.830 | 2.338.722 |
| a Nguyên giá tài sản cố định | | 4.048.359 | 3.682.372 |
| b Hao mòn tài sản cố định | | (1.573.529) | (1.343.650) |
| 3 Tài sản cố định vô hình | 12(b) | 532.788 | 511.836 |
| a Nguyên giá tài sản cố định | | 790.433 | 722.821 |
| b Hao mòn tài sản cố định | | (257.645) | (210.985) |
| XI Bất động sản đầu tư | 13 | 256.132 | 211.872 |
| a Nguyên giá bất động sản đầu tư | | 257.855 | 212.954 |
| b Hao mòn bất động sản đầu tư | | (1.723) | (1.082) |
| XII Tài sản Có khác | 14 | 8.130.604 | 8.010.270 |
| 1 Các khoản phải thu | 14.1 | 5.326.279 | 4.620.331 |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu | | 3.567.819 | 3.241.224 |
| 3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | 17.603 | - |
| 4 Tài sản Có khác | 14.2 | 690.994 | 666.881 |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | 14.3 | (1.472.091) | (518.166) |
| TỔNG TÀI SẢN | | 284.316.123 | 233.680.877 |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

| | Thuyết minh | Tại ngày | |
|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | 31.12.2017 Triệu VND | 31.12.2016 Triệu VND |
| B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 15 | 15.453.746 | 2.235.115 |
| 1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác | | 12.130.254 | 1.735.365 |
| 2 Vay các tổ chức tín dụng khác | | 3.323.492 | 499.750 |
| III Tiền gửi của khách hàng | 16 | 241.392.932 | 207.051.269 |
| IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 8 | 10.491 | - |
| V Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 17 | 136.466 | 122.697 |
| VI Phát hành giấy tờ có giá | 18 | 6.761.000 | 6.615.000 |
| VII Các khoản nợ khác | | 4.530.641 | 3.594.080 |
| 1 Các khoản lãi, phí phải trả | | 2.815.502 | 2.281.452 |
| 2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | | - | 462 |
| 3 Các khoản phải trả và công nợ khác | 19 | 1.715.139 | 1.312.166 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 288.285.276 | 219.618.161 |
| VIII VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 16.030.847 | 14.062.716 |
| 1 Vốn của tổ chức tín dụng | 20 | 9.607.514 | 8.711.240 |
| a Vốn điều lệ | | 10.273.239 | 9.376.965 |
| d Cổ phiếu quỹ | | (665.725) | (665.725) |
| 2 Quỹ của tổ chức tín dụng | 20.1 | 2.913.780 | 2.590.181 |
| 5 Lợi nhuận chưa phân phối | 20.1 | 3.509.553 | 2.761.295 |
| a Lợi nhuận năm nay | | 1.788.105 | 1.109.317 |
| b Lợi nhuận lũy kế năm trước | | 1.721.448 | 1.651.978 |
| TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 16.030.847 | 14.062.716 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 284.316.123 | 233.680.877 |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Thuyết minh | Tại ngày | |
|-----------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | 31.12.2017 Triệu VND | 31.12.2016 Triệu VND |
| 1 Bảo lãnh vay vốn | 38.1 | 47.071 | 60.862 |
| 2 Cam kết giao dịch hối đoái | 38.1 | 37.957.544 | 15.210.577 |
| <i>Cam kết mua ngoại tệ</i> | | 3.400.580 | 2.555.935 |
| <i>Cam kết bán ngoại tệ</i> | | 3.688.006 | 2.493.758 |
| <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i> | | 30.868.958 | 10.160.884 |
| 4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 38.1 | 4.119.474 | 4.443.845 |
| 5 Bảo lãnh khác | 38.1 | 6.150.365 | 5.552.727 |



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật




Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2018


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


| | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | | |
|------|---|--|--------------------|--------------------|
| | | Thuyết minh | 2017 Triệu VND | 2016 Triệu VND |
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 21 | 20.319.639 | 16.448.249 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 22 | (11.861.885) | (9.556.360) |
| I | Thu nhập lãi thuần | | 8.457.754 | 6.891.889 |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 23 | 1.574.668 | 1.274.131 |
| 4 | Chi phí hoạt động dịch vụ | 24 | (386.337) | (329.749) |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | | 1.188.331 | 944.382 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 25 | 236.729 | 230.096 |
| IV | Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 26 | 25.305 | 72.083 |
| V | Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 27 | 603.079 | (885.963) |
| 5 | Thu nhập từ hoạt động khác | | 952.439 | 296.285 |
| 6 | Chi phí hoạt động khác | | (60.797) | (11.081) |
| VI | Lãi thuần từ hoạt động khác | 28 | 891.642 | 285.204 |
| VII | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 29 | 36.069 | 24.811 |
| VIII | Chi phí hoạt động | 30 | (6.217.359) | (4.677.889) |
| IX | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 5.221.550 | 2.884.613 |
| X | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 31 | (2.565.343) | (1.217.587) |
| XI | Tổng lợi nhuận trước thuế | | 2.656.207 | 1.667.026 |
| 7 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | (556.141) | (338.590) |
| 8 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | 18.065 | (3.262) |
| XII | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 32 | (538.076) | (341.852) |
| XIII | Lợi nhuận sau thuế | | 2.118.131 | 1.325.174 |
| XV | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | | | 1.293 |



 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng



 Đỗ Minh Toàn
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo Pháp luật



 Trần Hùng Huy
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

| | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|--|--|------------------|
| | | 2017 | 2016 |
| | | Triệu VND | Triệu VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 19.993.283 | 16.096.594 |
| 02 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (11.327.835) | (8.961.266) |
| 03 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 1.188.331 | 944.382 |
| 04 | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 532.644 | 524.755 |
| 05 | Thu nhập khác | 521.423 | 200.509 |
| 06 | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro | 369.312 | 79.185 |
| 07 | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý | (4.920.839) | (4.297.586) |
| 08 | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm | (557.841) | (360.194) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG | | 5.798.478 | 4.226.379 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | (1.157.395) | 3.141.004 |
| 10 | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán | (7.512.729) | (6.132.295) |
| 11 | Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 16.065 | 31.538 |
| 12 | Tăng các khoản cho vay khách hàng | (35.112.173) | (28.052.950) |
| 13 | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản | (4.660.790) | (1.329.800) |
| 14 | (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động | (545.622) | 624.073 |
| Những thay đổi về nợ hoạt động | | | |
| 15 | Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | (5.178.981) |
| 16 | Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác | 13.218.631 | (198.215) |
| 17 | Tăng tiền gửi của khách hàng | 34.341.663 | 32.132.272 |
| 18 | Tăng phát hành giấy tờ có giá | 146.000 | 486.000 |
| 19 | Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 13.769 | (38.981) |
| 20 | Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 10.491 | - |
| 21 | Tăng khác về công nợ hoạt động | 334.163 | 97.036 |
| 22 | Chi từ các quỹ | (5.030) | (5.038) |
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 4.885.521 | (197.958) |


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU


Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

| Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | | |
|---|---|----------------------|-------------------|
| | 2017 Triệu VND | 2016 Triệu VND | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01 | Mua sắm tài sản cố định | (713.293) | (584.690) |
| 02 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 25.174 | 1.578 |
| 04 | Mua sắm bất động sản đầu tư | - | (181.284) |
| 05 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư | 14.605 | 38.368 |
| 08 | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 5.610 | 224.204 |
| 09 | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 32.159 | 34.278 |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | (635.745) | (467.546) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 02 | Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | - | 3.054.000 |
| 04 | Lợi nhuận đã chia | 20.1 (130.000) | - |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | (130.000) | 3.054.000 |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM | 4.119.776 | 2.388.496 |
| V | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM | 14.578.877 | 12.190.381 |
| VII | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM | 34 18.698.653 | 14.578.877 |




Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật





Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

| | Thuyết minh | Tại ngày | |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | 31.12.2017 Triệu VND | 31.12.2016 Triệu VND |
| A TÀI SẢN | | | |
| I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 4 | 4.851.704 | 3.541.348 |
| II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 5 | 8.314.574 | 6.119.306 |
| III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 6 | 9.295.856 | 8.593.981 |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 6.1 | 5.867.220 | 6.423.210 |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác | 6.1 | 3.582.397 | 2.342.651 |
| 3 Dự phòng rủi ro | 6.3 | (153.761) | (171.880) |
| IV Chứng khoán kinh doanh | 7 | 1.035.761 | 720.577 |
| 1 Chứng khoán kinh doanh | | 1.036.829 | 720.577 |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | (1.068) | - |
| V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 8 | - | 16.065 |
| VI Cho vay khách hàng | | 193.762.433 | 159.258.785 |
| 1 Cho vay khách hàng | 9 | 195.506.443 | 161.029.238 |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 9.7 | (1.744.010) | (1.770.453) |
| VIII Chứng khoán đầu tư | 10 | 52.689.288 | 42.672.094 |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 10.1 | 8.007.491 | 10.838.702 |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 10.1 | 45.111.109 | 34.775.806 |
| 3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | 10.3 | (429.312) | (2.942.414) |
| IX Góp vốn, đầu tư dài hạn | 11 | 2.329.574 | 2.329.768 |
| 1 Đầu tư vào công ty con | 11.2 | 2.140.000 | 2.140.000 |
| 2 Vốn góp liên doanh | 11.3 | 1.000 | 1.000 |
| 3 Đầu tư vào công ty liên kết | 11.3 | 200 | 200 |
| 4 Đầu tư dài hạn khác | 11.4 | 193.927 | 199.537 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 11.5 | (5.553) | (10.969) |
| X Tài sản cố định | 12 | 2.937.115 | 2.769.593 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 12(a) | 2.425.869 | 2.283.144 |
| a Nguyên giá tài sản cố định | | 3.945.636 | 3.580.267 |
| b Hao mòn tài sản cố định | | (1.519.767) | (1.297.123) |
| 3 Tài sản cố định vô hình | 12(b) | 511.246 | 486.449 |
| a Nguyên giá tài sản cố định | | 756.242 | 691.121 |
| b Hao mòn tài sản cố định | | (244.996) | (204.672) |
| XII Tài sản Có khác | 13 | 8.180.877 | 8.038.379 |
| 1 Các khoản phải thu | 13.1 | 5.407.176 | 4.664.440 |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu | | 3.564.121 | 3.237.520 |
| 4 Tài sản Có khác | 13.2 | 680.427 | 653.326 |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | 13.3 | (1.470.847) | (516.907) |
| TỔNG TÀI SẢN | | 283.397.182 | 233.059.896 |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

| | | Tại ngày | |
|----------|---|------------|--------------------|
| | | 31.12.2017 | 31.12.2016 |
| | | Triệu VND | Triệu VND |
| B | NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| II | Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 14 | 15.380.066 |
| 1 | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác | | 12.156.574 |
| 2 | Vay các tổ chức tín dụng khác | | 3.223.492 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 15 | 241.617.508 |
| IV | Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 8 | 10.491 |
| V | Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 16 | 136.466 |
| VI | Phát hành giấy tờ có giá | 17 | 6.054.000 |
| VII | Các khoản nợ khác | | 4.498.909 |
| 1 | Các khoản lãi, phí phải trả | | 2.809.752 |
| 3 | Các khoản phải trả và công nợ khác | 18 | 1.689.157 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 267.697.440 |
| VIII | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 15.699.742 |
| 1 | Vốn của tổ chức tín dụng | 19 | 9.607.514 |
| a | Vốn điều lệ | | 10.273.239 |
| d | Cổ phiếu quỹ | | (665.725) |
| 2 | Quỹ của tổ chức tín dụng | 19.1 | 2.600.746 |
| 5 | Lợi nhuận chưa phân phối | 19.1 | 3.491.482 |
| a | Lợi nhuận năm nay | | 1.775.693 |
| b | Lợi nhuận lũy kế năm trước | | 1.715.789 |
| | TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 15.699.742 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 283.397.182 |
| | | | 233.059.896 |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

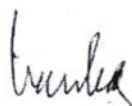
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Thuyết minh | Tại ngày | |
|-----------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | 31.12.2017 Triệu VND | 31.12.2016 Triệu VND |
| 1 Bảo lãnh vay vốn | 36.1 | 47.071 | 60.862 |
| 2 Cam kết giao dịch hối đoái | 36.1 | 37.957.544 | 15.210.577 |
| <i>Cam kết mua ngoại tệ</i> | | 3.400.580 | 2.555.935 |
| <i>Cam kết bán ngoại tệ</i> | | 3.688.006 | 2.493.758 |
| <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i> | | 30.868.958 | 10.160.884 |
| 4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 36.1 | 4.119.474 | 4.443.845 |
| 5 Bảo lãnh khác | 36.1 | 6.150.365 | 5.552.727 |



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

| | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|----------------|---|--|--------------------|
| | | 2017 | 2016 |
| Thuyết minh | | Triệu VND | Triệu VND |
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 20.076.241 | 16.211.810 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | (11.827.834) | (9.524.601) |
| I | Thu nhập lãi thuần | 8.248.407 | 6.687.209 |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 1.413.351 | 1.142.409 |
| 4 | Chi phí hoạt động dịch vụ | (333.409) | (290.999) |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 1.079.942 | 851.410 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 236.410 | 229.777 |
| IV | Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 40.333 | 3.638 |
| V | Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 564.093 | (892.902) |
| 5 | Thu nhập từ hoạt động khác | 947.062 | 277.497 |
| 6 | Chi phí hoạt động khác | (60.415) | (10.971) |
| VI | Lãi thuần từ hoạt động khác | 886.647 | 266.526 |
| VII | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 97.004 | 189.767 |
| VIII | Chi phí hoạt động | (6.080.503) | (4.527.449) |
| IX | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 5.072.333 | 2.807.976 |
| X | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (2.466.286) | (1.207.198) |
| XI | Tổng lợi nhuận trước thuế | 2.606.047 | 1.600.778 |
| 7 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (516.996) | (289.986) |
| 8 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | (2.800) |
| XII | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | (516.996) | (292.786) |
| XIII | Lợi nhuận sau thuế | 2.089.051 | 1.307.992 |

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

| | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|---|--|-------------------|
| Thuyết minh | | 2017 Triệu VND | 2016 Triệu VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 19.749.879 | 15.847.899 |
| 02 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (11.293.960) | (8.935.651) |
| 03 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 1.079.942 | 851.410 |
| 04 | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 461.056 | 430.580 |
| 05 | Thu nhập khác | 517.637 | 186.776 |
| 06 | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro | 369.312 | 79.185 |
| 07 | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý | (4.792.789) | (4.157.014) |
| 08 | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm | (514.954) | (333.620) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG | | 5.576.103 | 3.969.645 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | (1.110.027) | 3.117.958 |
| 10 | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán | (7.820.344) | (5.842.557) |
| 11 | Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 16.065 | 31.538 |
| 12 | Tăng các khoản cho vay khách hàng | (34.477.205) | (27.913.910) |
| 13 | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản | (4.643.282) | (1.323.014) |
| 14 | (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động | (560.653) | 609.748 |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | | |
| 15 | Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | (5.178.981) |
| 16 | Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác | 13.126.219 | (106.568) |
| 17 | Tăng tiền gửi của khách hàng | 34.270.495 | 31.952.011 |
| 19 | Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 13.769 | (38.981) |
| 20 | Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 10.491 | - |
| 21 | Tăng khác về công nợ hoạt động | 366.386 | 149.389 |
| 22 | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng | (5.000) | (5.038) |
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 4.763.017 | (578.860) |


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU


Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

| Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | | |
|---|---|----------------------|-------------------|
| | 2017 Triệu VND | 2016 Triệu VND | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01 | Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ") | (709.094) | (495.594) |
| 02 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 25.174 | 1.578 |
| 08 | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 5.610 | 224.204 |
| 09 | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 124.646 | 146.209 |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | (553.664) | (123.603) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 02 | Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | - | 3.054.000 |
| 04 | Lợi nhuận đã chia | 19.1 (130.000) | - |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | (130.000) | 3.054.000 |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 4.079.353 | 2.351.537 |
| V | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM | 14.531.720 | 12.180.183 |
| VII | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM | 32 18.611.073 | 14.531.720 |




Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật





Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 89 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1349 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017:

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB 31/12/2017 | 2,656,207,357,116 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 538,076,355,796 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (1-2) | 2,118,131,001,320 |
| 4 | Trích lập các quỹ, trong đó: | 373,599,543,701 |
| 4a | Quỹ DTBSVDL của ACB | 104,452,560,773 |
| 4b | Quỹ dự phòng tài chính của ACB | 208,905,121,546 |
| 4c | Quỹ của các công ty con | 10,241,861,382 |

| | | |
|----|--|--------------------|
| 4d | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB | 50,000,000,000 |
| 5 | Lợi nhuận 2017 sau khi trích lập các quỹ (3-4) | 1,744,531,457,619 |
| 6 | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó: | 1,715,021,389,341 |
| 6a | Đã mua cổ phiếu quỹ | 665,725,228,504 |
| 6b | Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ngân hàng Nhà nước phê duyệt dùng chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (10%) | 985,901,290,000 |
| 7 | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2017 (5+6-6a-6b) | 1,807,926,328,456 |
| 8 | Vốn điều lệ ACB | 10,273,238,960,000 |
| 9 | Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 1,027,323,896 |
| 10 | Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua | 41,422,608 |
| 11 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2016 | 98,590,129 |
| 12 | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 (9-10+11) | 1,084,491,417 |
| 13 | Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (15%) | 1,626,737,130,000 |
| 14 | Lợi nhuận giữ lại dự kiến dùng mua cổ phiếu thưởng nhân viên | 100,000,000,000 |
| 15 | Lợi nhuận giữ lại (7-13-14) | 81,189,198,456 |

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm mua cổ phiếu để thưởng cho nhân viên và quyết định cách thức phân phối cho nhân viên theo các quy định hiện hành.

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2018:

| Đơn vị: VND | | |
|-------------|--|-------------------|
| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB 2018 | 5,699,000,000,000 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,139,800,000,000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (1-2) | 4,559,200,000,000 |
| 4 | Trích lập các quỹ, trong đó: | 773,240,000,000 |
| 4a | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB | 100,000,000,000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4) | 3,785,960,000,000 |
| 6 | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó: | 746,914,426,960 |
| 6a | Đã mua cổ phiếu quỹ | 665,725,228,504 |
| 7 | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018 (5+6-6a) | 3,867,149,198,456 |
| 8 | Số lượng cổ phiếu đã phát hành đến 31/12/2017 | 1,027,323,896 |
| 9 | Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua | 41,422,608 |
| 10 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức | 98,590,129 |

| | | |
|----|--|-------------------|
| | năm 2016 | |
| 11 | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2017 | 162,673,713 |
| 12 | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2018 (8-9+10+11) | 1,247,165,130 |
| 13 | Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (30%) | 3,741,495,390,000 |
| 14 | Lợi nhuận giữ lại (7-13) | 125,653,808,456 |

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 10.273.238.960.000 đồng lên 12.885.877.380.000 đồng (tăng thêm 1.626.737.130.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, các chi tiết như Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018.
3. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:
 - 3.1 Mục đích phát hành:
Việc tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.
 - 3.2 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Vốn điều lệ hiện tại: 10.273.238.960.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 1,5 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 162.673.713 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 1.626.737.130.000 đồng.
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 1.288.587.738 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 12.885.877.380.000 đồng.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2018.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

4. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc thay đổi vốn điều lệ ghi trong Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 10.273.238.960.000 đồng lên 12.885.877.380.000 đồng.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tăng vốn điều lệ

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu và phù hợp với kết quả phát hành cổ phiếu;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *Qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

Đính kèm:

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.



Trần Hùng Huy



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, Điều lệ của ngân hàng thương mại;
- Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 và Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu tương ứng, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Nhu cầu thay đổi mức vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì:

- Các quy định mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đều gắn các tỷ lệ giới hạn (chẳng hạn như giới hạn cấp tín dụng) với vốn chủ sở hữu/ vốn điều lệ. Việc tăng vốn điều lệ sẽ giúp tăng các giới hạn liên quan tới cấp tín dụng cho khách hàng, thêm nguồn vốn trung, dài hạn để tài trợ cho các hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. Đồng thời, thêm nguồn vốn để đầu tư vào các giải pháp để củng cố và nâng cao hệ thống nền tảng như đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và hệ thống quản trị rủi ro.
- Việc tăng vốn điều lệ giúp ACB nâng cao năng lực tài chính, giúp đứng vững trước những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB. Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến được sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định, xây dựng cơ bản, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động của ACB và các chi nhánh, các dự án, phần còn lại để đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động và bổ sung nguồn vốn trung dài hạn mở rộng hoạt động kinh doanh.

Ứng với số vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm là 1.627 tỷ đồng, chi tiết dự kiến số tiền sẽ sử dụng để mua sắm thêm tài sản cố định, xây dựng cơ bản, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động của ACB và các chi nhánh, các dự án trong năm 2018 tổng cộng khoảng 1.392 tỷ đồng như sau:

DVT: tỷ đồng

| | |
|---|--------------|
| 1. Mua xe công vụ, xe chuyên dùng phục vụ kinh doanh | 41 |
| 2. Xây dựng văn phòng làm việc | 263 |
| 3. Mua sắm lắp đặt hệ thống kỹ thuật, máy móc thiết bị cho dự án chuyển đổi kênh phân phối theo mô hình nhận dạng thương hiệu mới | 63 |
| 4. Mua sắm, vận hành, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các hệ thống kỹ thuật toàn hệ thống & đầu tư thêm cho hệ thống ATM | 81 |
| 5. Đầu tư các Dự án phục vụ kinh doanh và quản lý tài chính: dự án Transaction Banking, ACMS giai đoạn 2, Contact Center, nâng cấp hệ thống lõi của E-banking, chuyển đổi hệ thống thẻ, nâng cấp máy chủ Corebanking, ERP giai đoạn 3 | 237 |
| 6. Đầu tư cho các dự án kiến trúc, bảo mật và an toàn thông tin | 106 |
| 7. Cải tạo sửa chữa di dời trụ sở Kênh phân phối | 531 |
| 8. Các Dự án công nghệ thông tin khác | 70 |
| Tổng | 1.392 |

2. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thay đổi vốn điều lệ

Sau khi tăng vốn điều lệ và thực hiện các phương án sử dụng vốn như đã nêu, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô tổng tài sản, dư nợ cho vay, v.v., và duy trì hiệu quả hoạt động tốt. (Xin xem **Phụ lục 01** và **Phụ lục 02**.)

Bên cạnh đó, ACB tiếp tục tuân thủ chặt chẽ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (Xin xem **Phụ lục 03**.)

3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018 từ chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- a. Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 10.273.238.960.000 đồng.
- b. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành : 1.027.323.896 cổ phiếu.
- c. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua : 41.422.608 cổ phiếu.
- d. Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành do chia cổ tức 2016: 98.590.129 cổ phiếu.
- e. Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức 2017 : 1.084.491.417 cổ phiếu.
- f. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
 - Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm : 1.626.737.130.000 đồng.
 - Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/1 cổ phần.
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm : 162.673.713 cổ phiếu.
- g. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 1.288.587.738 cổ phiếu.
 - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 12.885.877.380.000 đồng.
- h. Các nguồn dùng để tăng vốn điều lệ:

| Chi tiêu | Số dư (VND) | Dùng để tăng VĐL (VND) |
|---|-------------------|------------------------|
| Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2017 | 1.807.926.328.456 | 1.626.737.130.000 |
| Tổng cộng | 1.807.926.328.456 | 1.626.737.130.000 |

- i. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối lợi nhuận năm 2017.
- j. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền

nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)

- k. Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 1,5 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.

- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

- l. Thời điểm: Dự kiến hoàn thành trong năm 2018 sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định pháp luật.

- m. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.

- n. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 93 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(93 * 0,15) = 13,95$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 13 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,95 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

- o. Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ trong năm 2018. (Xin xem Phụ lục 04.)

II. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm để chia cổ tức theo phương án nêu trên với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

III. KIẾN NGHỊ

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);
- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình 

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHNNVN;
- UBCKNN, Sở GDCK HN;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH 


Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 01: Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2018 của Tập đoàn ACB.
- Phụ lục 02: Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2018 của riêng Ngân hàng ACB.
- Phụ lục 03: Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2018.
- Phụ lục 04: Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ năm 2018.

PHỤ LỤC 01

Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2018 của Tập đoàn ACB

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 19/4/2018)

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2017 | Dự kiến 2018 | Tăng/ giảm 2018 so với 2017 | |
|-----|---|---------|--------------|-----------------------------|------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| 1 | Tổng tài sản | 284.316 | 335.493 | 51.177 | 18% |
| 2 | Tín dụng (*) | 198.513 | 228.290 | 29.777 | 15% |
| 3 | Huy động tiền gửi của khách hàng | 241.393 | 284.844 | 43.451 | 18% |
| 4 | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 15.454 | 17.772 | 2.318 | 15% |
| 5 | Vốn điều lệ | 10.273 | 12.886 | 2.613 | 25% |
| 6 | Vốn chủ sở hữu | 16.031 | 20.466 | 4.435 | 28% |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | 2.656 | 5.699 | 3.043 | 115% |
| 8 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 538 | 1.140 | 602 | 112% |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | 2.118 | 4.559 | 2.441 | 115% |
| 10 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | 14,08% | 24,98% | 10,91% | 77% |
| 11 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) | 0,82% | 1,47% | 0,65% | 80% |

PHỤ LỤC 02

Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2018 của riêng Ngân hàng ACB

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 19/4/2018)

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | 2017 | Dự kiến 2018 | Tăng/ giảm 2018 so với 2017 | |
|-----|---|---------|-----------------|--------------------------------|---------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| 1 | Tổng tài sản | 283.397 | 334.409 | 51.011 | 18% |
| 2 | Tín dụng (*) | 195.506 | 224.832 | 29.326 | 15% |
| 3 | Huy động tiền gửi của khách hàng | 241.618 | 285.109 | 43.491 | 18% |
| 4 | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 15.380 | 17.687 | 2.307 | 15% |
| 5 | Vốn điều lệ | 10.273 | 12.886 | 2.613 | 25% |
| 6 | Vốn chủ sở hữu | 15.700 | 19.898 | 4.198 | 27% |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | 2.606 | 5.402 | 2.796 | 107% |
| 8 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 517 | 1.080 | 563 | 109% |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | 2.089 | 4.322 | 2.233 | 107% |
| 10 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | 14,18% | 24,28% | 10,10% | 71% |
| 11 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) | 0,81% | 1,40% | 0,59% | 73% |

(*) Tín dụng: bao gồm Dự nợ cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế; Dự nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng; và Số dư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp (KHÔNG bao gồm Trái phiếu Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam phát hành, và trái phiếu do TCTD phát hành).

PHỤ LỤC 03

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2018

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 19/4/2018)

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

| STT | KHOẢN MỤC | 31/12/2017 | Dự kiến 31/12/2018 |
|-----------|--|------------|--------------------------------|
| I | Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu | | |
| 1 | Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ | 10,29% | $\geq 9\%$ |
| 2 | Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất | 11,53% | $\geq 9\%$ |
| II | Giới hạn, hạn chế cấp tín dụng | | |
| 1 | Giới hạn cấp tín dụng | | |
| A | Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng | 8,62% | $\leq 15\%$ vốn tự có của ACB |
| B | Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng và người có liên quan | 17,61% | $\leq 25\%$ vốn tự có của ACB |
| C | Tổng mức cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp | N/A | $\leq 5\%$ vốn điều lệ của ACB |
| D | Tổng mức cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu | 0,68% | $\leq 5\%$ vốn điều lệ của ACB |
| 2 | Hạn chế cấp tín dụng | | |
| A | Giới hạn cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ, khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 2 Điều 127 Luật TCTD) | 3,96% | $\leq 5\%$ vốn tự có của ACB |
| B | Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 4 Điều 127 Luật TCTD) | 3,02% | $\leq 10\%$ vốn tự có của ACB |
| C | Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với | 3,02% | $\leq 20\%$ vốn tự có của ACB |

| STT | KHOẢN MỤC | 31/12/2017 | Dự kiến 31/12/2018 |
|------------|--|------------|--------------------|
| | các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 4 Điều 127 Luật TCTD) | | |
| III | Tỷ lệ khả năng chi trả | | |
| 1 | Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy VND) | 24,88% | ≥10% |
| 2 | Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày | | |
| A | VND | 142,36% | ≥50% |
| B | USD và các ngoại tệ khác quy USD | 88,78% | ≥10% |
| IV | Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn | 23,97% | ≤45% |
| V | Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh | 25,74% | ≤30% |
| VI | Giới hạn góp vốn, mua cổ phần | | |
| 1 | Mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM và các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 điều 103 Luật TCTD so với Vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp. | 11,00% | ≤11% |
| 2 | Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó so với Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của NHTM. | 28,56% | ≤40% |
| 3 | Tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phiếu của một TCTD khác so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD khác đó | 0,00% | < 5% |
| VII | Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi | 75,83% | ≤ 80% |

PHỤ LỤC 04

Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 19/4/2018)

| Stt | Tên cổ đông | Trước khi tăng vốn và trước khi nhận cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (Tính đến 28/2/2018.) | | Sau khi nhận cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu | | Sau khi tăng vốn | |
|-------------------------------------|---------------------------------|---|------------------|---|------------------|---|------------------|
| | | (Tổng số cổ phần của ACB: 1.027.323.896 cổ phần.) | | (Tổng số cổ phần của ACB: 1.125.914.025 cổ phần.) | | (Tổng số cổ phần của ACB: 1.288.587.738 cổ phần.) | |
| | | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Sở hữu mức cổ phần trọng yếu | | 69.960.757 | 6,81 | 76.956.833 | 6,84 | 88.500.358 | 6,87 |
| 1 | Dragon Financial Holdings Ltd. | 69.960.757 | 6,81 | 76.956.833 | 6,84 | 88.500.358 | 6,87 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | | 62.315.007 | 6,07 | 68.546.504 | 6,09 | 78.828.477 | 6,12 |
| 1 | Trần Hùng Huy | 31.649.277 | 3,08 | 34.814.204 | 3,09 | 40.036.334 | 3,11 |
| 2 | Nguyễn Thành Long | 372.838 | 0,04 | 410.121 | 0,04 | 471.639 | 0,04 |
| 3 | Dominic Timothy Charles Scriven | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| 4 | Đinh Thị Hoa | 15.216 | 0,00 | 16.737 | 0,00 | 19.247 | 0,00 |
| 5 | Trần Mộng Hùng | 18.176.239 | 1,77 | 19.993.862 | 1,78 | 22.992.941 | 1,78 |
| 6 | Trần Trọng Kiên | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| 7 | Đặng Thu Thủy | 12.076.521 | 1,18 | 13.284.173 | 1,18 | 15.276.798 | 1,19 |
| 8 | Đàm Văn Tuấn | 24.916 | 0,00 | 27.407 | 0,00 | 31.518 | 0,00 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | 293.838 | 0,03 | 323.220 | 0,03 | 371.702 | 0,03 |
| 1 | Huỳnh Nghĩa Hiệp | 196.433 | 0,02 | 216.076 | 0,02 | 248.487 | 0,02 |
| 2 | Nguyễn Thị Minh Lan | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| 3 | Hoàng Ngân | 42.749 | 0,00 | 47.023 | 0,00 | 54.076 | 0,00 |
| 4 | Phùng Thị Tốt | 54.656 | 0,01 | 60.121 | 0,01 | 69.139 | 0,01 |
| Tổng giám đốc | | 104.319 | 0,01 | 114.750 | 0,01 | 131.962 | 0,01 |
| 1 | Đỗ Minh Toàn | 104.319 | 0,01 | 114.750 | 0,01 | 131.962 | 0,01 |

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1351 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

- 0,5% (không phải năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *[Handwritten mark]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.



Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về việc thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua chủ trương thành lập Quỹ Khoa học công nghệ của Tập đoàn ACB.
- Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về tổ chức, cơ chế hoạt động, tài chính, nhân sự và các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập Quỹ Khoa học công nghệ phù hợp với quy định pháp luật.
- Điều 3.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *[Signature]*
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1353 /TCQĐ – HĐQT.18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN - TTGSNH ngày 24/4/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ - HĐQT.13 ngày 26/4/2013 về việc bầu chức danh Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Công văn số 2715/NHNN - TTGSNH ngày 21/4/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2018 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT; P TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *[Signature]*
CHỦ TỌA



[Signature]
Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 ngày 19/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018 - 2023 nhất trí bầu các chức danh của Hội đồng quản trị như sau:

- Bầu ông Trần Hùng Huy làm Chủ tịch HĐQT.
- Bầu ông Nguyễn Thành Long làm Phó Chủ tịch HĐQT.

Điều 2. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm có:

- | | |
|--|---------------------------|
| 1. Ông Trần Hùng Huy | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Thành Long | : Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Dominic Timothy Charles Scriven | : Thành viên HĐQT |
| 4. Bà Đinh Thị Hoa | : Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Đặng Thu Thủy | : Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Đàm Văn Tuấn | : Thành viên HĐQT |
| 7. Ông Hiep Van Vo | : Thành viên HĐQT độc lập |
| 8. Ông Huang Yuan Chiang | : Thành viên HĐQT độc lập |

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BKS;
- Lưu: VP HĐQT, Ph TH.



TM-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy